

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ DIHALITO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ DIHALITO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIHALITO E-COMMERCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108923042

3. Ngày thành lập: 30/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3 tòa T2 và T3 khu đô thị Dream Tower, đường 70, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
2.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
3.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
4.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
5.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
6.	Quảng cáo	7310
7.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
8.	Cho thuê xe có động cơ	7710
9.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
10.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
11.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: - Đồ dệt, trang phục và giày dép; - Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng; - Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...; - Sách, tạp chí; - Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà; - Hoa và cây; - Thiết bị điện cho gia đình.	7729
12.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
13.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các hãng tuyển dụng lao động trên mạng.	7810
14.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

15.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
16.	Đại lý du lịch	7911
17.	Điều hành tua du lịch	7912
18.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
19.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
20.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
21.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
22.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
23.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
24.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu	8219
25.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Dịch vụ đóng gói	8292
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;	8299
29.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: Các trại và các trường tiến hành giảng dạy các hoạt động thể thao cho các nhóm hoặc các cá nhân. Các trại huấn luyện thể thao ban ngày và ban đêm cũng bao gồm ở đây. Nó không bao gồm các học viện, các trường cao đẳng và các trường đại học. Việc giảng dạy có thể được tiến hành ở nhiều môi trường khác nhau, như ở các đơn vị hoặc theo điều kiện học của khách hàng, các cơ sở giáo dục hoặc các phương tiện giảng dạy khác.	8551
30.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
31.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
32.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục	8560
33.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
34.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
35.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102

36.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên Chi tiết: Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú, bao gồm cả vườn thú dành cho trẻ em	9103
37.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: - Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao; - Hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó và các gara ô tô; - Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao;	9319
38.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
39.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
40.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
41.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
42.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
43.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
44.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
45.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sửa chữa xe đạp; - Sửa chữa quần áo; - Sửa chữa đồ trang sức; - Sửa chữa đồng hồ, dây, hộp đồng hồ...	9529
46.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
47.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
48.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ đánh giày, khâu vá, giúp việc gia đình; - Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh; - Các hoạt động nhượng quyền sử dụng máy hoạt động bằng đồng xu như: máy cân, máy kiểm tra huyết áp...	9639
49.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
50.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
51.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
52.	Trồng lúa	0111
53.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
54.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
55.	Trồng cây mía	0114
56.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
57.	Trồng cây lấy sợi	0116

58.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
59.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa hàng năm	0118
60.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm	0119
61.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
62.	Khai thác gỗ	0220
63.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
64.	Khai thác thủy sản biển	0311
65.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
66.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
67.	Khai thác và thu gom than non	0520
68.	Khai thác dầu thô	0610
69.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
70.	Khai thác quặng sắt	0710
71.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
72.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu	0722
73.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
74.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
75.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
76.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
77.	Khai thác muối	0893
78.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: - Hoạt động cung cấp dịch vụ thăm dò theo phương pháp truyền thống và lấy mẫu quặng, thực hiện các quan sát địa chất tại khu vực có tiềm năng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử	0990
81.	Sản xuất sợi	1311
82.	Sản xuất vải dệt thoi	1312

83.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
84.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: - Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: + Vải nhung và vải bông, + Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự, + Các loại vải bằng đan móc khác; - Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác (trừ thêu trang phục).	1391
85.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
86.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
87.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
88.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ, - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí	1399
89.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
90.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
91.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
92.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
93.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như: + Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau), + Làm dưới dạng rời, - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự; - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ;	1621
94.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
95.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
96.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
97.	In ấn Chi tiết: In trực tiếp lên vải dệt, nhựa, kim loại, gỗ và gốm	1811
98.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
99.	Sao chép bản ghi các loại	1820

100.	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: - Sản xuất khí công nghiệp - Sản xuất chất nhuộm và chất màu	2011
101.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
102.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
103.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
104.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
105.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
106.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất chất giống nhựa; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm; - Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác	2029
107.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
108.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
109.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
110.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
111.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hóa; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm	2393
112.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
113.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
114.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

115.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm;	2399
116.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
117.	Đúc sắt, thép	2431
118.	Đúc kim loại màu	2432
119.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
120.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
121.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) Chi tiết: Sản xuất các thiết bị phụ gắn với lò hơi nước như: Bộ phận góp hơi và tích lũy hơi, bộ phận làm sạch cặn nước, bộ phận phục hồi khí và dụng cụ cạo cặn lò hơi	2513
122.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
123.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
124.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
125.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn - Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu + Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đạc; + Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt... + Sản xuất túi đựng nữ trang; + Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; + Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được; + Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; + Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; + Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự; + Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; + Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: Dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải... + Sản xuất đinh hoặc ghim	2599

126.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
127.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
128.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
129.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm	2732
130.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại Chi tiết: - Sản xuất kẹp đèn; - Sản xuất cột và cuộn chống sét; - Sản xuất bộ phận ngắt mạch cho dây dẫn điện (các công tắc ứng suất, nút bấm, lẫy khoá); - Sản xuất ổ cắm, dây dẫn điện; - Sản xuất hộp đựng dây điện (ví dụ mối nối, công tắc); - Sản xuất cáp, máy móc, điện; - Sản xuất thiết bị nối và dẫn;	2733
131.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
132.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
133.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; - Sản xuất máy làm sạch siêu âm (trừ thí nghiệm và nha khoa); - Sản xuất máy đổi điện trạng thái rắn, máy đổi điện, pin nhiên liệu, cung cấp năng lượng điều chỉnh và không điều chỉnh, cung cấp năng lượng liên tục	2790
134.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
135.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
136.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác; - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô tô... - Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông	2813
137.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
138.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
139.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816

140.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
141.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
142.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất máy cân dùng trong gia đình như: cân hành lý, cân khác... - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; - Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hoả, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi... - Sản xuất máy đóng gói như: Làm đầy, đóng, dán, đóng bao và máy dán nhãn...	2819
143.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
144.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
145.	Sản xuất máy luyện kim	2823
146.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
147.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
148.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
149.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
150.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các xe chở hàng, các thiết bị bốc dỡ nguyên, vật liệu, v.v... cho các tổ chức	3311
151.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
152.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
153.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
154.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: - Sửa chữa và bảo dưỡng thuyền giải trí; - Sửa các đầu máy xe lửa và toa xe (loại trừ việc làm mới hoặc chuyển đổi). - Sửa chữa và bảo dưỡng máy bay (loại trừ việc chuyển đổi, khảo sát và đại tu, làm mới); - Sửa chữa xe ngựa và xe kéo bằng sức vật; - Sửa chữa ghe xuồng	3315

155.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: - Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; - Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; - Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hóa, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự; - Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự;	3319
156.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
157.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
158.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Thoát nước	3700
159.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
160.	Thu gom rác thải độc hại	3812
161.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
162.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
163.	Tái chế phế liệu	3830
164.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; - Làm sạch dầu loang và các chất gây ô nhiễm khác trên đất, trong nước bề mặt, ở đại dương và biển, gồm cả vùng bờ biển; - Hủy bỏ amiăng, sơn chì và các vật liệu độc khác; - Hoạt động kiểm soát ô nhiễm chuyên dụng khác.	3900
165.	Xây dựng nhà để ở	4101
166.	Xây dựng nhà không để ở	4102
167.	Xây dựng công trình điện	4221
168.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
169.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
170.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình xử lý bùn.	4229
171.	Xây dựng công trình thủy	4291
172.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
173.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
174.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời	4299
175.	Phá dỡ	4311
176.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
177.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

178.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;	4329
179.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
180.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
181.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
182.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản - Bán buôn hoa và cây - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
183.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
184.	Bán buôn thực phẩm	4632
185.	Bán buôn đồ uống	4633
186.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
187.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
188.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
189.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
190.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
191.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
192.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).	4659
193.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661

194.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn quặng kim loại	4662
195.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khóa; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, ...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
196.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.	4669
197.	Bán buôn tổng hợp	4690
198.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
199.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
200.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
201.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
202.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
203.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
204.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
205.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
206.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

207.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
208.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
209.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
210.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
211.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
212.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
213.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
214.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
215.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
216.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng hóa khác đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
217.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
218.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
219.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
220.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
221.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785

222.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn; - Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí; - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi; - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; - Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức;	4789
223.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Loại trừ: Đấu giá bán lẻ qua internet	4791(Chính)
224.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
225.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
226.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
227.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
228.	Bốc xếp hàng hóa	5224
229.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không;	5229
230.	Chuyển phát	5320
231.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
232.	Cơ sở lưu trú khác	5590
233.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
234.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
235.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629
236.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
237.	Hoạt động viễn thông có dây	6110

238.	Lập trình máy vi tính	6201
239.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
240.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI HẢI LINH	Số 275 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	80,000	0102255737	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	80,000		

2	NGUYỄN THANH QUYẾT	Tư Đài 2, Xã Chuyên Ngoại, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	5,000	035084003559	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	50.000	500.000.000	5,000		
3	PHẠM THỊ HẢI	TDP số 6 Hòe Thị, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	15,000	001175000182	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 22/06/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 035076000012

Ngày cấp: 09/09/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *B1106, Tháp B Golden Palace, TDP 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *B1106, Tháp B Golden Palace, TDP 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội